

TÒA PHÚC THẨM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 489/2025/HS-PT  
Ngày 30 tháng 9 năm 2025

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Minh

Ông Dương Anh Văn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Tường Vi – Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Hà Văn Hiến – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 175/2025/TLPT-HS ngày 27 tháng 8 năm 2025 đối với bị cáo Trần Văn H1 do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 386/2025/HS-ST ngày 25/7/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**Bị cáo có kháng cáo:** Trần Văn H1; giới tính: Nam; sinh ngày: 05/6/1974, tại tỉnh Nghệ An; nơi đăng ký thường trú: 9B, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An (nay là xã H, tỉnh Nghệ An); nơi cư trú: E Đường số F, Khu phố A, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh); trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị C; có vợ và 01 con sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 29/02/2024, có mặt tại phiên tòa.

**Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn H1:** Luật sư Nguyễn Bá N – Công ty L2 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H, có mặt.

(Ngoài ra còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và không bị kháng nghị).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 29/02/2024, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy, Công an Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp cùng Công an phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh lập biên bản bắt người đang bị truy nã đối với Trần Văn H1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Quyết định truy nã số 1481- 60 ngày 14/10/2003 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H.

Vào lúc 00 giờ 30 phút ngày 01/3/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Văn H1 tại địa chỉ nhà số E, đường số F, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, kết quả không thu giữ được đồ vật có liên quan đến vụ án.

Quá trình điều tra đã xác định: Tại Quyết định số: 1481-60 ngày 14/10/2003 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H truy nã đối với Trần văn H1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Ngày 01/3/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H Quyết định số: 2568/QĐĐT- CSMT-DD2 đình nã đối với Trần Văn H1. Tại Quyết định số 2703/QĐCSMT-DD2 ngày 05/3/2024 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H quyết định phục hồi điều tra vụ án hình sự đối với Trần Văn H1; Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H có Quyết định số: 2704/QĐCSMT-DD2 ngày 05/3/2024 quyết định phục hồi điều tra bị can Trần Văn H1.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Trần Văn H1 khai nhận: Trần Văn H1 là đồng hương cùng quê với Nguyễn Hữu L1 (L) tại tỉnh Nghệ An. Khoảng tháng 4 năm 2001, L1 cho H1 biết việc L1 có hoạt động mua bán trái phép chất ma túy và đề nghị H1 đi giao ma túy cho khách của L1 tại tỉnh Đồng Nai thì L1 sẽ trả tiền công cho H1, H1 đồng ý. Việc giao dịch, giá cả mua bán ma túy do L1 tự thỏa thuận với khách, H1 không rõ khối lượng. Sau đó, L1 đưa cho H1 01 thùng giấy carton, H1 biết bên trong có chứa ma túy để H1 đem từ tỉnh Nghệ An đến khu vực ngã ba T, tỉnh Đồng Nai giao thùng ma túy nêu trên cho Phạm Văn H2 và H1 bắt xe về lại tỉnh Nghệ An gặp L1 và được L1 trả tiền công là 2.000.000 đồng. Sau đó, H1 biết Phạm Văn H2, Nguyễn Hữu L1 bị bắt, H1 bị truy nã nên đã bỏ trốn khỏi địa phương và sinh sống ở nhiều địa phương trong cả nước.

Hoàng Nghĩa H3 có lời khai (bút lục 102-132): Hường quen biết với Trần Văn H1 vào khoảng đầu năm 2000, do H3 đã trực tiếp gặp mặt H1 tại nhà của H2 tại T, tỉnh Đồng Nai được 02 lần và đã trực tiếp 02 lần đưa tiền cho H1 để trả tiền mua ma túy cho Phạm Văn H2, cụ thể: lần 01: 450.000.000 đồng; lần 02: 600.000.000 đồng.

Do H3 đã thi hành hình phạt tử hình theo Bản án số 856/2005/HSPT ngày 25/5/2005 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nên không có cơ sở để làm rõ.

Theo lời khai của Phạm Văn H2 khai nhận (Bút lục 133-159): H2 bắt đầu mua bán ma túy, loại Heroine từ khoảng đầu năm 2001 với Nguyễn Hữu L1 (L) từ Lào về Việt Nam với giá 4.000 USD (Đô la Mỹ)/ bánh Heroine. Tính đến ngày bị phát hiện bắt giữ, H2 đã mua bán với L1 được 500 bánh Heroine. Số Heroine này được L1 giao cho H2 nhiều lần, mỗi lần ít nhất là 15 bánh Heroine, nhiều nhất là 20 bánh Heroine, trong đó L1 trực tiếp giao cho H2 là 359 bánh Heroine tại tỉnh Đồng Nai. Còn lại 141 bánh Heroine, L1 thuê 08 đối tượng vận chuyển Heroine từ tỉnh Nghệ An vào tỉnh Đồng Nai giao cho H2, trong đó: khoảng tháng 4 năm 2001, nhận 16 bánh Heroine do Trần Văn H1 (Hùng C1) giao tại khu vực ngã ba T, tỉnh Đồng Nai. Ngoài ra, H1 còn 01 lần giao 16 bánh Heroine giúp cho người tên “Đồng Nhung”; 01 lần giao 19 bánh Heroine giúp cho người tên Phạm Văn V.

Tại Văn bản số: 221/C09B ngày 17/02/2025, Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định khối lượng ma túy (Bút lục 284) như sau: “Khối lượng trung bình một bánh Heroin vào thời điểm năm 2003, khối lượng trung bình một bánh Heroine khoảng: 350 gam”.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố H có kê biên theo Lệnh kê biên tài sản số 1481-08/L ngày 02/02/2004 đối với: 01 căn nhà cấp 4, tường gạch, mái tôn, nền gạch men, diện tích 5m x 7m, khuôn viên đất 5m x 22m = 110m<sup>2</sup>, tại thôn N, ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Bà Đinh Thị P khai, bà P mua 110m<sup>2</sup> đất của ông Nguyễn Văn K vào năm 2000 và xây cất căn nhà nêu trên để ở. Bà Đinh Thị P1 (em gái bà P) mua mảnh đất kế bên. Sau đó, gộp 02 mảnh đất này thành 01 và được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q342398 ngày 04/10/2000 do bà Đinh Thị P1 đứng tên. Riêng Trần Văn H1 cùng bà Đinh Thị P đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã H 3, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 21/02/2001.

Bị cáo Trần Văn H1 khai tài sản nêu trên là tài sản riêng của bà Đinh Thị P có trước khi kết hôn. Trong thời gian kết hôn, H1 không có đóng góp vật chất để xây cất nhà.

Tại bản Cáo trạng số: 332/CT-VKSTPHCM-P1 ngày 21/5/2025, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trần Văn Hùng về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là điểm b khoản 5 Điều 251 theo Luật số: 86/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017).

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 386/2025/HS-ST ngày 25/7/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:*

Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là điểm b khoản 5 Điều 251 theo Luật số 86/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 40 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Văn H1: Tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 01/3/2024. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định buộc bị cáo Trần Văn H1 nộp lại số tiền 2.000.000 đồng thu lợi bất chính để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước; về việc giải tỏa Lệnh kê biên tài sản số 1481-08/L ngày 02/02/2004 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố H đối với căn nhà cấp 4, tường gạch, mái tôn, nền gạch men, diện tích 5m x 7m, khuôn viên đất 5m x 22m = 110m<sup>2</sup>, tại thôn N, ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai, trả lại căn nhà và diện tích đất nêu trên cho bà Đinh Thị P1 và bà Đinh Thị P; về án phí hình sự sơ thẩm; về quyền xin ân giảm án tử hình và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/7/2025, bị cáo Trần Văn H1 kháng cáo bản án sơ thẩm cho rằng, Bản án sơ thẩm xét xử mức án tử hình là quá nặng so với hành vi phạm tội của bị cáo. Nên bị cáo viết đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tối cao xem xét xét xử lại và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Bị cáo Trần Văn H1 khai nhận Bản án sơ thẩm tuyên xử bị cáo phạm tội mua bán trái phép chất ma túy là không oan. Bản thân bị cáo có trình độ học vấn thấp, hiểu biết pháp luật hạn chế, bản thân đã có thời gian thực hiện nghĩa vụ quân sự từ năm 1992-1994. Hiện tại, gia đình bị cáo có hoàn cảnh rất khó khăn, bị cáo phải nuôi dưỡng mẹ già, cha mẹ bị cáo là người có công với nhà nước. Bản án sơ thẩm tuyên mức hình phạt tử hình là quá nặng nên bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội trở về sum họp gia đình làm lại cuộc đời.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Văn H1 làm trong hạn luật định nên đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Xét kháng cáo của bị cáo thấy rằng: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, nhận thấy Bản án sơ thẩm tuyên xử bị cáo Trần Văn H1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là điểm b khoản 5 Điều 251 theo Luật số 86/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng quy định của pháp luật. Theo Luật số 86/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi bổ sung Bộ luật hình sự năm 2015 quy định tại điểm b khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự quy định có khối lượng ma túy 03 kg ma túy trở lên thì bị phạt tù từ chung thân hoặc tử hình.

Xét nhân thân bị cáo không có tiền án, tiền sự, bản thân bị cáo có thời gian thực hiện nghĩa vụ quân sự từ năm 1992-1994. Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình

sự. Gia đình bị cáo có cha mẹ bị cáo được tặng thưởng huân chương kháng chiến. Do đó, đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo, áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 sửa án sơ thẩm, tuyên phạt bị cáo Trần Văn H1 tù chung thân về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là đúng quy định của pháp luật.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo có ý kiến tranh luận: Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo Trần Văn H1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là đúng pháp luật. Bị cáo không kháng cáo về tội danh mà chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Xét hoàn cảnh gia đình của bị cáo khó khăn, do bị cáo muốn có tiền cưới vợ nên đã nhận lời của L1 để vận chuyển ma túy thay cho L1 từ Nghệ An vào Đồng Nai để nhận tiền công 2.000.000 đồng. Bị cáo phạm tội với vai trò giúp sức, bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Bản thân bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo có cha mẹ ruột được tặng thưởng huân chương kháng chiến; bản thân bị cáo đã thực hiện hoàn thành nghĩa vụ quân sự.

Kính đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo, tuyên xử bị cáo với mức hình phạt tù chung thân cũng đủ giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Văn H1 đảm bảo đúng hình thức và trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Có đủ căn cứ để xác định:

Khoảng tháng 4 năm 2001, Trần Văn H1 biết rõ Nguyễn Hữu L1 có hoạt động mua bán trái phép chất ma túy và bị cáo H1 đã nhận của L1 16 bánh ma túy, loại Heroine có tổng khối lượng khoảng 5.600 gam để H1 đem từ Nghệ An vào khu vực ngã ba T, tỉnh Đồng Nai giao cho Phạm Văn H2 và được L1 trả công 2.000.000 đồng. Sau khi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn. Đến ngày 29/02/2024, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy, Công an Thành phố H phối hợp cùng Công an phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh lập biên bản bắt người đang bị truy nã đối với Trần Văn H1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Quyết định truy nã số 1481- 60 ngày 14/10/2003 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H.

Hành vi của bị cáo Trần Văn H1 đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là điểm b khoản 5 Điều 251 theo Luật số 86/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Do đó, Bản án sơ thẩm tuyên xử bị cáo Trần Văn H1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là điểm b khoản 5 Điều 251 theo Luật số 86/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn H1 là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo nhận thức được hành vi mua bán trái phép chất ma túy là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội nhưng vì vụ lợi nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Do đó cần phải xử phạt nghiêm khắc đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

Theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự (Luật số 86/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi bổ sung Bộ luật hình sự năm 2015) quy định: Phạm tội có khối lượng ma túy 03 kg ma túy trở lên thì bị phạt tù chung thân hoặc tử hình. Đồng thời, tại điểm b khoản 3 Điều 4 Điều khoản chuyển tiếp của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự ngày 25/6/2025 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định: Hình phạt tử hình đã tuyên trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 đối với người phạm tội về các tội quy định tại Điều 248 hoặc Điều 251 của Bộ luật Hình sự mà chưa thi hành án thì không thi hành và Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định chuyển hình phạt tử hình thành tù chung thân đối với các trường hợp sau: “Khối lượng, thể tích chất ma túy được xác định trong bản án để quyết định hình phạt lớn hơn khối lượng, thể tích chất ma túy thấp nhất quy định tại khoản 5 Điều 248 hoặc khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự được sửa đổi, bổ sung tại khoản 18 Điều 1 của Luật này mà người phạm tội không phải là người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy hoặc không có 02 tình tiết tăng nặng trở lên”.

Xét nhân thân bị cáo không có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có chú ruột Trần Văn B là Liệt sĩ; có cha ruột Trần Văn L và mẹ ruột Nguyễn Thị C được tặng Huân chương kháng chiến hạng ba và Huy chương kháng chiến hạng nhì do đã có thành tích trong công cuộc kháng chiến chống mỹ cứu nước.

[4] Khi quyết định hình phạt, Bản án sơ thẩm áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Nhưng xét mức hình phạt do Bản án sơ thẩm tuyên phạt loại bỏ bị cáo Trần Văn H1 vĩnh viễn ra khỏi xã hội là quá nghiêm khắc.

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Do đó, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn H1 và ý kiến đề nghị của Luật sư đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Sửa bản án sơ thẩm về hình phạt

đối với bị cáo Trần Văn H1: Tuyên phạt bị cáo Trần Văn H1 tù chung thân về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và có đảm bảo tác dụng giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

Quan điểm của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, tuyên phạt bị cáo Trần Văn H1 tù chung thân là có căn cứ.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Văn H1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về buộc bị cáo Trần Văn H1 nộp lại số tiền 2.000.000 đồng thu lợi bất chính để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước; về việc giải tỏa Lệnh kê biên tài sản số 1481-08/L ngày 02/02/2004 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố H đối với căn nhà cấp 4, tường gạch, mái tôn, nền gạch men, diện tích 5m x 7m, khuôn viên đất 5m x 22m = 110m<sup>2</sup>, tại thôn N, ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai, trả lại căn nhà và diện tích đất nêu trên cho bà Đinh Thị P1 và bà Đinh Thị P; về án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn H1 xin giảm hình phạt.

2. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 386/2025/HS-ST ngày 25/7/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về hình phạt đối với bị cáo Trần Văn H1:

Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là điểm b khoản 5 Điều 251 theo Luật số 86/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 39 của Bộ luật Hình sự;

- Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn H1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn H1 tù chung thân về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/3/2024. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Văn H1 không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về buộc bị cáo Trần Văn H1 nộp lại số tiền 2.000.000 đồng thu lợi bất chính để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước; về việc giải tỏa Lệnh kê biên tài sản số 1481-08/L ngày 02/02/2004 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố H đối với căn nhà cấp 4, tường gạch, mái tôn, nền gạch men, diện tích 5m x 7m, khuôn viên đất 5m x 22m = 110m<sup>2</sup>, tại thôn N, ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai, trả lại căn nhà và diện tích đất nêu trên cho bà Đinh Thị P1 và bà Đinh Thị P; về án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**